

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
\*\*\*\*\*

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

**Mã hồ sơ: .....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Sinh học; Chuyên ngành: Công nghệ sinh học

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Phạm Anh Thi

2. Ngày tháng năm sinh: 31/05/1987; Nam ☐ ; Nữ ☒ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Trà Côn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 87/35 đường Hoàng Văn Thụ, phường An Cư, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

6. Địa chỉ liên hệ: Nguyễn Phạm Anh Thi, Viện Công nghệ sinh học và Thực phẩm, Trường Đại học Cần Thơ, khu 2, đường 3/2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Điện thoại di động: 091-881-2287;

E-mail: npathi@ctu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 03 năm 2017 đến tháng 6 năm 2025: Giảng viên tại Bộ môn Sinh học phân tử, Viện Công nghệ sinh học và Thực phẩm, Trường Đại học Cần Thơ.

- Chức vụ hiện nay: Phó Trưởng Bộ môn Sinh học phân tử, Trưởng Phòng xét nghiệm An toàn sinh học cấp III;

- Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng Bộ môn Sinh học phân tử.

- Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Cần Thơ

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82 /HĐGSNN ngày 18 /5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*  
- Địa chỉ cơ quan: Trường Đại học Cần Thơ, khu 2, đường 3/2, phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại cơ quan: 0292 385 961

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu: chưa nghỉ hưu.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 10 tháng 9 năm 2009; số văn bằng: 295967; ngành: Công nghệ sinh học; Nơi cấp bằng Đại học: Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 21 tháng 8 năm 2012; số văn bằng: 2283; ngành: Kỹ thuật; chuyên ngành: hệ thống nano. Nơi cấp bằng Thạc sĩ: Đại học Gachon, Hàn Quốc (Gachon University, South of Korea).

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 25 tháng 8 năm 2016; số văn bằng: 1104; ngành: Khoa học sự sống; chuyên ngành: Hệ thống thực vật học (Plant Systematics). Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Gachon, Hàn Quốc (Gachon University, South of Korea).

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa được bổ nhiệm/ công nhận chức danh Phó giáo sư.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Cần Thơ.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Sinh học, Công nghệ sinh học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

(1) Nghiên cứu đa dạng di truyền và phát triển nguồn gen thực vật.

**(2) Vi sinh vật và ứng dụng trong nông nghiệp, thủy sản.**

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

+ *Hướng nghiên cứu 1*: Nghiên cứu đa dạng di truyền và phát triển nguồn gen thực vật.

- Đang hướng dẫn 01 NCS thực hiện luận án TS [4.6];

- Đã hướng dẫn 03 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ [4.1], [4.3], [4.4];

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: chủ nhiệm 03 đề tài NCKH cấp cơ sở [6.II.1], [6.II.2], [6.II.3], thư ký khoa học 01 đề tài cấp Thành phố [6.II.4], và 01 đề tài cấp Bộ [6.II.5];

- Đã công bố 26 bài báo khoa học [1], [2], [6], [7], [8], [10], [11], [13], [14], [15], [17], [18], [20], [21], [22], [23], [25], [26], [27], [28], [29], [35], [42], [43], [44], [46]; trong đó có 16 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã tham gia xuất bản 01 giáo trình, 01 sách chuyên khảo, 01 chương sách tham khảo thuộc nhà xuất bản có uy tín [5.II.1], [5.II.2], [5.II.3] .

+ *Hướng nghiên cứu 2*: Vi sinh vật và ứng dụng trong nông nghiệp, thủy sản.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82 /HĐGSNN ngày 18 /5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Đang hướng dẫn 01 NCS thực hiện luận án TS [4.8];
- Đã hướng dẫn 02 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS [4.2], [4.5];
- Đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: thành viên 01 đề tài cấp Bộ đã hoàn thành [6.II.6], thành viên 01 đề tài cấp Thành phố đang thực hiện [6.II.7] ;
- Đã công bố 22 bài báo khoa học [3], [4], [5], [9], [12], [16], [19], [24], [30], [31], [32], [33], [34], [36], [37], [38], [39], [40], [41], [45], [47], [48]; trong đó 08 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): không có.

16. Kỷ luật (hành thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): không có.

## B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Tôi luôn chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hiện nhiệm vụ theo đúng qui định của pháp luật. Có ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành nghiêm sự điều động, phân công của tổ chức; có ý thức tập thể, phấn đấu vì lợi ích chung. Có phẩm chất và lương tâm nghề nghiệp trong sáng, tích cực học tập, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và phương pháp sư phạm, có lối sống và cách ứng xử chuẩn mực. Bản thân luôn trung thực, khách quan trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn. Có kiến thức chuyên môn vững, nắm bắt yêu cầu thực tiễn. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp qui định.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 8 năm 3 tháng
- Tổng số giờ giảng dạy trong 06 năm học gần đây, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ cụ thể như trong bảng dưới đây:

| TT              | Năm học   | Số lượng NCS đã hướng dẫn |     | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp |     | Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*) |
|-----------------|-----------|---------------------------|-----|------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|
|                 |           | Chính                     | Phụ |                                    |                                         | ĐH                                 | SĐH |                                                                                           |
| 1               | 2019-2020 | 0                         | 0   | 1                                  | 3                                       | 300                                | 30  | 330 / 583 / 229.5                                                                         |
| 2               | 2020-2021 | 0                         | 0   | 3                                  | 5                                       | 255                                | 45  | 300 / 672 / 238                                                                           |
| 3               | 2021-2022 | 0                         | 0   | 0                                  | 2                                       | 285                                | 45  | 330 / 564 / 238                                                                           |
| 03 năm học cuối |           |                           |     |                                    |                                         |                                    |     |                                                                                           |
| 4               | 2022-2023 | 0                         | 1   | 1                                  | 4                                       | 270                                | 30  | 300 / 555 / 238                                                                           |
| 5               | 2023-2024 | 0                         | 0   | 0                                  | 0                                       | 285                                | 18  | 303 / 435 / 238                                                                           |
| 6               | 2024-2025 | 0                         | 2   | 0                                  | 0                                       | 330                                | 36  | 366 / 566 / 238                                                                           |

\* Năm học 2019-2020:

Giờ chuẩn giảng dạy theo chức danh: 270 giờ

Giờ chuẩn kiêm nhiệm: 15% (40,5 giờ)

Giờ chuẩn phải thực hiện: 85% (229,5 giờ)

\* Năm học 2020-2021:

Giờ chuẩn giảng dạy theo chức danh: 280 giờ

Giờ chuẩn kiêm nhiệm: 15% (42 giờ)

Giờ chuẩn phải thực hiện: 85% (238 giờ)

\* Năm học 2021-2022:

Giờ chuẩn giảng dạy theo chức danh: 280 giờ

Giờ chuẩn kiêm nhiệm: 15% (42 giờ)

Giờ chuẩn phải thực hiện: 85% (238 giờ)

\* Năm học 2022-2023:

Giờ chuẩn giảng dạy theo chức danh: 280 giờ

Giờ chuẩn kiêm nhiệm: 15% (42 giờ)

Giờ chuẩn phải thực hiện: 85% (238 giờ)

\* Năm học 2023-2024:

Giờ chuẩn giảng dạy theo chức danh: 280 giờ

Giờ chuẩn kiêm nhiệm: 15% (42 giờ)

Giờ chuẩn phải thực hiện: 85% (238 giờ)

\* Năm học 2024-2025:

Giờ chuẩn giảng dạy theo chức danh: 280 giờ

Giờ chuẩn kiêm nhiệm: 15% (42 giờ)

Giờ chuẩn phải thực hiện: 85% (238 giờ)

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ☐; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ☒ ThS tại Hàn Quốc năm 2012 và luận án ☒ TS tại Hàn Quốc năm 2016.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ..... số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam

d) Đối tượng khác ; ☐ Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): chương trình học và báo cáo luận văn Thạc sĩ và luận án Tiến sĩ bằng tiếng Anh.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT  | Họ tên<br>NCS/HVCH      | Đối tượng |      | Trách nhiệm<br>hướng dẫn |     | Thời gian<br>hướng<br>dẫn | Cơ sở đào<br>tạo             | Ngày, tháng,<br>năm được cấp<br>bằng/có quyết<br>định cấp bằng | Tên đề tài                                                                 |
|-----|-------------------------|-----------|------|--------------------------|-----|---------------------------|------------------------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
|     |                         | NCS       | HVCH | Chính                    | Phụ |                           |                              |                                                                |                                                                            |
| 4.1 | Nguyễn Thị<br>Ngọc Trúc |           | HVCH |                          | X   | 01/2019<br>đến<br>10/2019 | Trường<br>Đại học<br>Cần Thơ | 4881/QĐ-<br>ĐHCT,<br>18/10/2019                                | Ứng dụng kỹ thuật<br>sinh học phân tử<br>trong đánh giá<br>tính chống chịu |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82 /HĐGSNN ngày 18 /5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

|     |                      |     |      |   |   |                     |                        |                                                               |                                                                                                                                      |
|-----|----------------------|-----|------|---|---|---------------------|------------------------|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                      |     |      |   |   |                     |                        |                                                               | mặn của một số giống lúa cao sản.                                                                                                    |
| 4.2 | Phan Lâm Thúy Ái     |     | HVCH | X |   | 12/2019 đến 11/2020 | Trường Đại học Cần Thơ | 1036/QĐ-ĐHCT 28/4/2021                                        | Phân lập và tuyển chọn dòng vi khuẩn có khả năng cố định đạm trong đất trồng lúa bị nhiễm mặn tại một số huyện của tỉnh Sóc Trăng.   |
| 4.3 | Đặng Minh Khang      |     | HVCH | X |   | 12/2019 đến 11/2020 | Trường Đại học Cần Thơ | 1036/QĐ-ĐHCT 28/4/2021                                        | Khảo sát vùng trình tự DNA mã vạch đặc trưng của dâu Hạ Châu ( <i>Baccaurea ramiflora</i> )                                          |
| 4.4 | Nguyễn Thanh Xuân    |     | HVCH | X |   | 12/2019 đến 11/2020 | Trường Đại học Cần Thơ | 1036/QĐ-ĐHCT 28/4/2021                                        | Khảo sát vùng trình tự DNA mã vạch của cam mật ( <i>Citrus sinensis</i> L.Obseck) không hạt ở Đồng bằng sông Cửu Long                |
| 4.5 | Trần Hữu Hậu         |     | HVCH | X |   | 02/2023 đến 11/2023 | Trường Đại học Cần Thơ | 7678/QĐ-ĐHCT 29/12/2023                                       | Tuyển chọn vi khuẩn <i>Bacillus</i> spp. và thực khuẩn thể có khả năng kiểm soát vi khuẩn tạo màng sinh học phân lập từ ao nuôi tôm. |
| 4.6 | Trần Gia Huy         | NCS |      |   | X | 2022 đến 2025       | Trường Đại học Cần Thơ | 6285/QĐ-ĐHCT 25/11/2022 (QĐ công nhận NCS và người hướng dẫn) | Giải mã bộ gen và ứng dụng DNA mã vạch trong nhận diện một số giống cây ăn trái đặc sản khu vực Nam Bộ                               |
| 4.7 | Nguyễn Lâm Khánh Duy | NCS |      |   | X | 2024 đến 2027       | Trường Đại học Cần Thơ | 5007/QĐ-ĐHCT 28/10/2024 (QĐ công nhận NCS và người hướng dẫn) | Nghiên cứu bảo quản tinh trùng lạnh và khảo sát hiệu quả thụ tinh <i>in vitro</i> và <i>in vivo</i>                                  |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82 /HĐGSNN ngày 18 /5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

|     |                     |     |  |  |   |                  |                              |                                                                           |                                                                                                                                                                       |
|-----|---------------------|-----|--|--|---|------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                     |     |  |  |   |                  |                              |                                                                           | trên dê Saanen<br>hướng sữa.                                                                                                                                          |
| 4.8 | Hoàng Ngọc<br>Khánh | NCS |  |  | X | 2024 đến<br>2027 | Trường<br>Đại học<br>Cần Thơ | 3581/QĐ-ĐHCT<br>28/08/2024<br>(QĐ công nhận<br>NCS và người<br>hướng dẫn) | Phân lập, tuyển<br>chọn vi khuẩn cổ<br>định đạm trong<br>quần thể lúa<br>hoang ở vùng<br>Đồng bằng sông<br>Cửu Long và đánh<br>giá khả năng ứng<br>dụng trên cây lúa. |

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

| TT | Tên sách                                              | Loại sách<br>(CK, GT,<br>TK, HD) | Nhà xuất bản<br>và năm xuất<br>bản | Số<br>tác<br>giả | Chủ<br>biên         | Phần<br>biên<br>soạn (từ<br>trang ...<br>đến<br>trang) | Xác nhận của<br>cơ sở GDĐH<br>(số văn bản xác<br>nhận sử dụng<br>sách) |
|----|-------------------------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------|------------------|---------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| I  | Trước khi được công nhận TS                           |                                  |                                    |                  |                     |                                                        |                                                                        |
| II | Sau khi được công nhận TS                             |                                  |                                    |                  |                     |                                                        |                                                                        |
| 1  | Sổ tay thực hành<br>sinh học phân tử                  | HD                               | NXB Đại học<br>Cần Thơ,<br>2011    | 1                |                     | 25-42                                                  | 2269/GXN-<br>ĐHCT<br>ngày 19/06/2025                                   |
| 2  | DNA mã vạch<br>và đa dạng di<br>truyền cây ăn<br>trái | CK                               | NXB Đại học<br>Cần Thơ,<br>2021    | 2                | Đồng<br>chủ<br>biên | 1 - 45                                                 | 2268/GXN-<br>ĐHCT<br>ngày 19/06/2025                                   |
| 3  | Bộ gen học nâng<br>cao                                | GT                               | NXB Đại học<br>Cần Thơ,<br>2023    | 4                |                     | 1-147                                                  | 2267/GXN-<br>ĐHCT<br>ngày 19/06/2025                                   |

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công<br>nghệ (CT, ĐT...) | CN/PC<br>N/TK | Mã số và<br>cấp quản lý | Thời gian<br>thực hiện | Thời gian<br>nghiệm thu<br>(ngày,<br>tháng,<br>năm)/Xếp<br>loại KQ |
|----|---------------------------------------------------|---------------|-------------------------|------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| I  | Trước khi được công nhận TS                       |               |                         |                        |                                                                    |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82 /HĐGSNN ngày 18 /5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

| II | Sau khi được công nhận TS                                                                                                                 |            |                                 |                                    |                   |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------|------------------------------------|-------------------|
| 1  | ĐT: Khảo sát tính kháng rầy nâu của các dòng lúa thơm có triển vọng ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long                                        | CN         | T2018-110<br>cấp cơ sở          | 05/2018 –<br>04/2019               | 29/04/2019<br>Tốt |
| 2  | ĐT: Phân tích đa dạng di truyền và xây dựng dữ liệu DNA mã vạch cho các giống dưa cạn ( <i>Catharanthus roseus</i> )                      | CN         | T2020-110<br>cấp cơ sở          | 06/2020 –<br>05/2021               | 24/10/2021<br>Tốt |
| 3  | ĐT: Giải mã trình tự bộ gen lục lạp của cây nhãn tím phục vụ công tác nhận diện giống cây trồng                                           | CN         | T2022-131<br>cấp cơ sở          | 05/2022 –<br>04/2023               | 09/11/2023<br>Tốt |
| 4  | ĐT: Phân tách, định danh và đánh giá hoạt tính kháng cỏ dại của các hợp chất hóa học trong cây mai dương                                  | TK         | DP2018-13,<br>cấp thành phố     | 24 tháng<br>(8/2018 –<br>7/2020)   | 12/10/2020<br>Khá |
| 5  | ĐT: Xây dựng cơ sở dữ liệu DNA mã vạch cho các giống cây ăn trái đặc sản của Việt Nam khu vực Nam Bộ                                      | TK         | B2019-TCT-<br>562-11,<br>cấp Bộ | 24 tháng<br>(1/2019 –<br>12/2020)  | 14/12/2021<br>Đạt |
| 6  | ĐT: Xây dựng cơ sở dữ liệu về hệ thực khuẩn thể có khả năng ức chế vi khuẩn <i>Vibrio</i> spp. gây bệnh cho tôm ở Đồng bằng sông Cửu Long | Thành viên | B2020-TCT-<br>03, cấp Bộ        | 24 tháng<br>(1/2020 –<br>12/2021)  | 22/4/2023<br>Đạt  |
| 7  | Thu thập, bảo tồn, phát triển nguồn gen vi sinh vật trong quần thể lúa hoang dại tại thành phố Cần Thơ                                    | Thành viên | 10/HĐ-<br>SKHCN                 | 36 tháng<br>(7/2024 đến<br>6/2027) | Đang thực hiện    |

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

| TT                                                | Tên bài báo/báo cáo khoa học                                                                                                                                          | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN              | Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (trừ tự trích dẫn) | Tập, số, trang  | Năm công bố |
|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------|-----------------|-------------|
| <b>I. Trước khi được công nhận học vị tiến sĩ</b> |                                                                                                                                                                       |            |                  |                                                              |                                                   |                                     |                 |             |
| 1.                                                | Molecular phylogenetic relationships and implications for the circumscription of Colchicaceae.<br><a href="https://doi.org/10.1111/bo">https://doi.org/10.1111/bo</a> | 3          | X                | Botanical Journal of the Linnean Society.<br>ISSN: 0024-4074 | SCIE (Q1, IF 2.9)                                 | 11                                  | 172(3): 255–269 | 2013        |

|                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                |    |   |                                                                    |                      |                   |                        |      |
|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---|--------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------|------------------------|------|
|                                                                                    | <u>j.12037</u>                                                                                                                                                                                                                                                 |    |   |                                                                    |                      |                   |                        |      |
| 2.                                                                                 | The complete chloroplast genome of colchicine plants ( <i>Colchicum autumnale</i> L. and <i>Gloriosa superba</i> L.) and its application for identifying the genus<br>doi:10.1007/s00425-015-2303-7                                                            | 3  | X | Planta Journal.<br>ISSN: 0032-0935                                 | SCIE<br>(Q1, IF 4.1) | 52                | 242(1):<br>223-237     | 2015 |
| <b>II. Sau khi được công nhận học vị tiến sĩ</b>                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                |    |   |                                                                    |                      |                   |                        |      |
| <b><i>Bài báo xuất bản trên tạp chí quốc tế uy tín thuộc danh mục ISI/ WoS</i></b> |                                                                                                                                                                                                                                                                |    |   |                                                                    |                      |                   |                        |      |
| 3.                                                                                 | Mechanistic insights into MXene-facilitated biorecognition and signal transduction in biosensing applications<br><a href="https://doi.org/10.1016/j.jiec.2025.06.001">https://doi.org/10.1016/j.jiec.2025.06.001</a>                                           | 5  |   | Journal of Industrial and Engineering Chemistry<br>ISSN: 1226-086X | SCIE<br>(Q1)         |                   |                        | 2025 |
| 4.                                                                                 | Isolation and characterization of a novel bacteriophage ST1749 and its effectiveness against <i>Vibrio parahaemolyticus</i> and <i>Salmonella</i> spp.<br><br>DOI: <a href="https://doi.org/10.1016/j.virusres.2025.199579">10.1016/j.virusres.2025.199579</a> | 4  |   | Virus Research<br>ISSN: 1872-7492                                  | SCIE<br>(Q2)         | Vol. 356, 1995 79 |                        | 2025 |
| 5.                                                                                 | Sour fermented rice products: A rich source of lactic acid bacteria                                                                                                                                                                                            | 3  | X | Malaysian journal of microbiology<br>ISSN: 1823-8262               | ESCI<br>(Q4)         |                   | Vol 21(2), pp. 227-234 | 2025 |
| 6.                                                                                 | The Complete Chloroplast Genome of <i>Baccaurea ramiflora</i> Lour. Cultivar Ha Chau (Phyllanthaceae, Malpighiales)<br><a href="https://doi.org/10.1002/ec3.71145">https://doi.org/10.1002/ec3.71145</a>                                                       | 4  | X | Ecology and Evolution<br>ISSN: 2045-7758                           | SCIE<br>(Q1)         |                   | 2025, 15:e71145        | 2025 |
| 7.                                                                                 | Designing Primers for Amplification of Coi, Cyt-B, Nd2 and Fib7 in Swiftlet ( <i>Aerodramus</i> spp.)                                                                                                                                                          | 6  |   | Asian Journal of Dairy and Food Research<br>pISSN: 0971-4456       | Scimago<br>(Q3)      |                   |                        | 2025 |
| 8.                                                                                 | Multivariate analysis of agro-morphological traits                                                                                                                                                                                                             | 12 |   | Journal of Crop Science and                                        | ESCI<br>(Q2)         |                   | Vol 28,                | 2024 |

|     |                                                                                                                                                                                                                        |   |   |                                                                 |                      |  |                             |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-----------------------------------------------------------------|----------------------|--|-----------------------------|------|
|     | and GBSS1 gene variation in Mekong Delta mega rice varieties<br><a href="https://doi.org/10.1007/s12892-024-00274-z">https://doi.org/10.1007/s12892-024-00274-z</a>                                                    |   |   | Biotechnology                                                   |                      |  | 227-238                     |      |
| 9.  | Characterization and genomic analysis of bacteriophage VT223 infecting <i>Salmonella enterica subsp enterica</i> serovar <i>Enteritidis</i><br>DOI: 10.46989/001c.124563                                               | 5 |   | Israeli Journal of Aquaculture – Bamidgeh<br><br>ISSN:0792-156X | SCIE (Q3)            |  | 76(4): 107-120              | 2024 |
| 10. | Potential Antibacterial and Antifungal Effect of Extracts from <i>Kaempferia Galanga</i> L.<br>DOI: 10.3303/CET24110069                                                                                                | 8 |   | Chemical engineering transactions<br>ISSN: 2283-9216            | (Scimago Q3)         |  | Vol. 110: 409-414           | 2024 |
| 11. | New Insights into the Diversity of Mitochondrial Plastid DNA<br><a href="https://doi.org/10.1093/gbe/evae184">https://doi.org/10.1093/gbe/evae184</a>                                                                  | 3 |   | Genome Biology Evolution<br>ISSN: 1759-6653                     | SCIE (Q1, IF 3.3)    |  | 16(9)                       | 2024 |
| 12. | Inhibition of biofilm forming bacteria and probiotic potential of <i>Bacillus</i> spp. isolated in aquaculture ponds<br>DOI: <a href="http://dx.doi.org/10.21161/mjm.230403">http://dx.doi.org/10.21161/mjm.230403</a> | 7 | X | Malaysian journal of microbiology<br>ISSN: 1823-8262            | ESCI (Scimago Q4)    |  | Vol 20(4) 2024, pp. 430-437 | 2024 |
| 13. | The complete chloroplast genome of <i>Durio zibethinus</i> L. cultivar Ri6 (Helicteroideae, Malvaceae)<br>DOI: 10.1080/23802359.2024.2350619                                                                           | 4 |   | Mitochondrial DNA. Part B, Resources<br>ISSN: 2380-2359         | SCIE (Q4, IF 0.6)    |  | 9(5): 625-630.              | 2024 |
| 14. | The complete chloroplast genome of purple longan ( <i>Dimocarpus longan</i> Lour., Sapindaceae)<br><a href="https://doi.org/10.1016/j.japb.2023.09.005">https://doi.org/10.1016/j.japb.2023.09.005</a>                 | 5 | X | Journal of Asia-Pacific Biodiversity<br>ISSN: 2287-884X         | Scimago (Q3, IF 0.8) |  | 17(1): 64-71                | 2024 |
| 15. | Recent advances in biosensors for screening                                                                                                                                                                            | 7 |   | Analytical                                                      | SCIE                 |  | 10.1039/D4                  | 2024 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                   |    |   |                                                              |                   |   |                    |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---|--------------------------------------------------------------|-------------------|---|--------------------|------|
|     | plant pathogens<br><a href="https://doi.org/10.1039/D4AY00766B">https://doi.org/10.1039/D4AY00766B</a>                                                                                                                                            |    |   | Methods Journal<br><b>ISSN: 1759-9679</b>                    | (Q1, IF 2.7)      |   | AY00 766B          |      |
| 16. | Inhibitory effects of Ag <sup>+</sup> and ZnO <sup>+</sup> nanoparticles on a causative agent ( <i>Neoscytalidium dimidiatum</i> ) of dragon fruit stem-canker                                                                                    | 2  | X | Malaysian journal of microbiology<br><b>ISSN: 1823-8262</b>  | ESCI (Scimago Q4) |   | 19(5): 570-576     | 2023 |
| 17. | The complete chloroplast genome of <i>Elephantopus scaber</i> L. (Vernonioideae, Asteraceae), a useful ethnomedicinal plant in Asia.<br><a href="https://doi.org/10.1080/23802359.2023.2252944">https://doi.org/10.1080/23802359.2023.2252944</a> | 4  | X | Mitochondrial DNA Part B<br><b>ISSN: 2380-2359</b>           | SCIE (Q4)         | 1 | 8(9): 936-941      | 2023 |
| 18. | Genetic diversity in the <i>matK</i> gene of <i>Dimocarpus longan</i> varieties in the Mekong Delta<br>DOI: 10.3923/ajps.2023.444.451                                                                                                             | 3  | X | Asian Journal of Plant Sciences<br><b>ISSN: 1682-3974</b>    | Scimago (Q4)      | 1 | 22(3): 444-451     | 2023 |
| 19. | Probiotic potential of lactic acid bacteria isolated from Vietnamese sour-fermented fish product<br>DOI: <a href="http://dx.doi.org/10.21161/mjm.211255">http://dx.doi.org/10.21161/mjm.211255</a>                                                | 12 | X | Malaysian Journal of Microbiology<br><b>ISSN: 1823-8262</b>  | ESCI (Scimago Q4) |   | 18(2): 222-226     | 2022 |
| 20. | The complete chloroplast genome of <i>Mimosa pigra</i> L. (Fabaceae), a notorious invasive plant<br><a href="https://doi.org/10.1080/23802359.2022.2086076">https://doi.org/10.1080/23802359.2022.2086076</a>                                     | 5  | X | Mitochondrial DNA Part B: Resource<br><b>ISSN: 2380-2359</b> | SCIE (Q4)         | 3 | 7(6): 1073-1065    | 2022 |
| 21. | Genetic diversity of burmese grape ( <i>Baccaurea ramiflora</i> Lour.) Cultivars and Ha Chau cultivar identification based on DNA barcodes<br><a href="https://doi.org/10.13057/biodiv/d230726">https://doi.org/10.13057/biodiv/d230726</a>       | 8  |   | Biodiversitas<br><b>ISSN: 1412-033X</b>                      | Scimago (Q2)      |   | 23(7): 3513-3520   | 2022 |
| 22. | Identification of Dragon fruit ( <i>Selenicereus</i> ) species in Mekong Delta based on DNA barcode sequences.                                                                                                                                    | 4  |   | Biodiversitas<br><b>ISSN: 2085-4722</b>                      | Scimago (Q2)      | 5 | 22(10): 4216-4222. | 2021 |

|                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                       |    |   |                                                                                 |                   |   |                     |      |
|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---|---------------------|------|
|                                              | DOI:<br>10.13057/biodiv/d221012                                                                                                                                                                                                                                       |    |   |                                                                                 |                   |   |                     |      |
| 23.                                          | Morphological characteristics and genetic relations of the Star apple varieties ( <i>Chrysophyllum cainito</i> L.)<br>DOI:<br>10.3923/ajps.2021.380.388                                                                                                               | 7  |   | Asian Journal of Plant Sciences<br>ISSN: 1682-3974                              | Scimago (Q4)      | 1 | 20.380-388          | 2021 |
| 24.                                          | Microbial diversity analysis using 16S rRNA gene amplicon sequencing of rhizosphere soils from double-cropping rice and rice-shrimp farming systems in Soc Trang, Vietnam.<br><a href="https://doi.org/10.1128/MRA.00595-21">https://doi.org/10.1128/MRA.00595-21</a> | 10 |   | Microbiology Resource Announcements<br>eISSN: 2576-098X                         | ESCI (Q3, IF 0.8) | 4 | 10(44)              | 2021 |
| <b>Bài báo xuất bản trên tạp chí quốc tế</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                       |    |   |                                                                                 |                   |   |                     |      |
| 25.                                          | Multiplex Pcr-Based Detection of Pig Skin and Sterculia Gum Adulterants in Refined Edible Bird's Nests<br><a href="http://dx.doi.org/10.5281/zenodo.11471928">http://dx.doi.org/10.5281/zenodo.11471928</a>                                                           | 6  |   | International Journal of Agriculture and Biological Sciences<br>ISSN: 2522-6584 |                   |   | Vol 8(2), pp. 20-30 | 2024 |
| 26.                                          | Advancements in genetic diversity and genome characteristics of Durians ( <i>Durio</i> spp.)<br><a href="https://journalarrb.com/index.php/ARRB/article/view/1830">https://journalarrb.com/index.php/ARRB/article/view/1830</a>                                       | 4  |   | Annual Research & Review in Biology                                             |                   |   | 38 (5), 12-23       | 2023 |
| 27.                                          | Genetic diversity analysis of rambutan ( <i>Nephelium lappaceum</i> L.) using DNA barcodes and ISSR markers<br>DOI:<br>10.5281/zenodo.5141551                                                                                                                         | 8  |   | International Journal of Agriculture and Biological Sciences<br>ISSN: 2522-6584 |                   |   | 5: 7-14             | 2021 |
| 28.                                          | Genetic diversity of <i>Catharanthus roseus</i> species based on DNA barcodes.<br>DOI:                                                                                                                                                                                | 3  | X | International Journal of Agriculture and Biological                             |                   |   | 5: 53-59            | 2021 |

|                                                 |                                                                                                                                                                                                                                          |   |   |                                                                                        |  |  |                    |      |
|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|----------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--------------------|------|
|                                                 | 10.5281/zenodo.5515336                                                                                                                                                                                                                   |   |   | Sciences<br><b>ISSN: 2522-6584</b>                                                     |  |  |                    |      |
| 29.                                             | Phytotoxic effects of aqueous extracts from mimosa pigra L. on barnyardgrass ( <i>Echinochloa crus-galli</i> )                                                                                                                           | 6 |   | International Journal of Agriculture and Biological Sciences<br><b>ISSN: 2522-6584</b> |  |  | 3(3), 66-71        | 2019 |
| <b>Bài báo xuất bản trên tạp chí trong nước</b> |                                                                                                                                                                                                                                          |   |   |                                                                                        |  |  |                    |      |
| 30.                                             | Antibiotic resistance of <i>Acinetobacter baumannii</i> at Can Tho general hospital in 2019–2023.<br><br><a href="https://doi.org/10.37569/DalatUniversity.15.2.1442(2025)">https://doi.org/10.37569/DalatUniversity.15.2.1442(2025)</a> | 3 | X | <i>Dalat University Journal of Science</i><br><b>ISSN: 0866-787X</b>                   |  |  | 15(2), 86-99       | 2025 |
| 31.                                             | Tình hình kháng kháng sinh trong điều trị nhiễm khuẩn huyết do <i>Escherichia coli</i> tại bệnh viện đa khoa thành phố Cần Thơ giai đoạn 2022 – 2023.                                                                                    | 2 | X | Tạp chí đại học Thái Nguyên<br><b>ISSN: 1859-2171</b>                                  |  |  | 230(05): 217 - 222 | 2025 |
| 32.                                             | Phân lập vi khuẩn, thực khuẩn thể từ ao nuôi tôm và khảo sát sự tác động của thực khuẩn thể kết hợp đối với vi khuẩn <i>Citrobacter meridianamericanus</i> L.                                                                            | 3 | X | Tạp chí nông nghiệp và phát triển nông thôn<br><b>ISSN: 1859-4581</b>                  |  |  | 17: 60-69          | 2024 |
| 33.                                             | Khảo sát sự ảnh hưởng của thực khuẩn thể đến vi khuẩn <i>Citrobacter</i> spp. phân lập từ nước ao nuôi tôm                                                                                                                               | 5 | X | Tạp chí nông nghiệp và phát triển nông thôn<br><b>ISSN: 1859-4581</b>                  |  |  | 11: 68-76          | 2024 |
| 34.                                             | Khả năng cố định đạm của vi khuẩn vùng rễ và nốt sần cây họ đậu ở tỉnh Trà Vinh                                                                                                                                                          | 7 | X | Tạp chí nông nghiệp và phát triển nông thôn<br><b>ISSN: 1859-4581</b>                  |  |  | 10: 38-46          | 2024 |
| 35.                                             | Khảo sát hàm lượng polyphenol, flavonoid và khả năng kháng oxy hóa của dịch lên men vú sữa tím ( <i>Chrysophyllum</i>                                                                                                                    | 4 | X | Tạp chí đại học Thái Nguyên<br><b>ISSN: 1859-2171</b>                                  |  |  | 229(10):107-113    | 2024 |

|     |                                                                                                                                                                                                                   |   |   |                                                                   |  |  |                 |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-------------------------------------------------------------------|--|--|-----------------|------|
|     | caintio).<br>DOI:<br><a href="https://doi.org/10.34238/tnu-jst.9987">https://doi.org/10.34238/tnu-jst.9987</a>                                                                                                    |   |   |                                                                   |  |  |                 |      |
| 36. | Khảo sát khả năng kháng nấm <i>Neoscytalidium</i> sp. gây bệnh đốm nâu trên cây Thanh long bằng hạt nano (Ag, ZnO) và tinh dầu (cam, sả, bưởi)                                                                    | 4 | X | Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ<br><b>ISSN:</b> 1859-2333 |  |  | 58(2): 250-259. | 2022 |
| 37. | Tuyển chọn vi khuẩn có khả năng phân giải protein và ức chế vi khuẩn <i>Vibrio</i> spp. từ nước mắm truyền thống<br>DOI:10.22144/ctu.jvn.2022.137                                                                 | 5 | X | Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ<br><b>ISSN:</b> 1859-2333 |  |  | 58(2): 192-199  | 2022 |
| 38. | Ảnh hưởng của Biochar và phân hữu cơ kết hợp với phân hóa học lên một số đặc tính sinh học, hóa học đất trong mô hình chuyển lúa vụ Đông Xuân tại huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.<br>DOI:10.22144/ctu.jsi.2021.042 | 8 |   | Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ<br><b>ISSN:</b> 1859-2333 |  |  | 57(1): 191-199. | 2021 |
| 39. | Đánh giá hiệu quả xử lý rác thải hữu cơ của vi khuẩn tồn trữ trong các chất mang<br>DOI:10.22144/ctu.jsi.2021.028                                                                                                 | 8 |   | Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ<br><b>ISSN:</b> 1859-2333 |  |  | 57(1): 42-50    | 2021 |
| 40. | Phân lập và tuyển chọn vi khuẩn có khả năng phân hủy protein và cellulose từ các nguồn rác thải hữu cơ được thu tại Thành phố Cần Thơ                                                                             | 9 |   | Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ<br><b>ISSN:</b> 1859-2333 |  |  | 57(1): 34-41    | 2021 |
| 41. | Khảo sát khả năng kháng vi khuẩn <i>Ralstonia solanacearum</i> gây bệnh héo xanh ở cây bằng nano bạc                                                                                                              | 4 | X | Nông nghiệp và Phát triển nông thôn<br><b>ISSN:</b> 1859-4581     |  |  | 2: 11-15        | 2021 |
| 42. | Đa dạng di truyền các giống sấu riêng ( <i>Durio zibethinus</i> ) dựa trên trình tự DNA mã vạch và chỉ thị phân tử ISSR.                                                                                          | 6 |   | Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ<br><b>ISSN:</b> 1859-2333 |  |  | 57(4B): 109-118 | 2021 |

|                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |   |   |                                                                           |  |   |                |      |
|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---------------------------------------------------------------------------|--|---|----------------|------|
|                                                | DOI:10.22144/ctu.jvn.2021.119                                                                                                                                                                                                                                                                                               |   |   |                                                                           |  |   |                |      |
| 43.                                            | Khảo sát môi trường nuôi cấy nấm vân chi đỏ ( <i>Trametes sanguinea</i> (L.) Imazeki)                                                                                                                                                                                                                                       | 4 |   | Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ<br>ISSN: 1859-2333                |  |   | 55(2), 158-165 | 2019 |
| 44.                                            | Đa dạng di truyền các giống lúa mùa ( <i>Oryza sativa</i> L.) bằng chỉ thị phân tử SSR<br><a href="http://tsdt.tapchinongnghiep.vn/_Epaper/files/library/site-3/pdf/FileUpload/2021-04/VCtYY0FhBEO0BRme1.pdf">http://tsdt.tapchinongnghiep.vn/_Epaper/files/library/site-3/pdf/FileUpload/2021-04/VCtYY0FhBEO0BRme1.pdf</a> | 4 | X | Nông nghiệp và Phát triển nông thôn<br>ISBN: 1859-4581                    |  |   | 20. 3-10       | 2019 |
| 45.                                            | Sử dụng vật liệu hữu cơ cải thiện dinh dưỡng và đặc tính sinh học đất nhiễm mặn trồng lúa tại huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng                                                                                                                                                                                                 | 7 |   | Tạp chí Khoa học đất<br>ISSN: 2525-2216                                   |  | 5 | 56. 35-38      | 2019 |
| 46.                                            | Tiềm năng mở rộng ứng dụng công nghệ giải trình tự gen thế hệ mới ở Đồng bằng sông Cửu Long.<br>DOI:10.22144/ctu.jsi.2019.001                                                                                                                                                                                               | 4 |   | Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ<br>ISSN: 1859-2333                |  |   | 55(1): 1-13    | 2019 |
| <b>Bài báo xuất bản trên hội nghị quốc gia</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |   |   |                                                                           |  |   |                |      |
| 47.                                            | Phân lập và tuyển chọn dòng vi khuẩn có khả năng hòa tan lân từ đất trồng lúa bị nhiễm mặn tại tỉnh Sóc Trăng                                                                                                                                                                                                               | 6 |   | Kỷ yếu Hội nghị công nghệ sinh học toàn quốc. 2020                        |  |   |                |      |
| 48.                                            | Phân lập và tuyển chọn vi khuẩn có khả năng cố định đạm trong đất trồng lúa bị nhiễm mặn tại một số huyện của tỉnh Sóc Trăng                                                                                                                                                                                                | 5 |   | Hội nghị Công nghệ Sinh học toàn quốc. 286-290<br>ISBN: 978-604-73-7266-9 |  |   | 286-290        | 2019 |

- Tổng số bài báo khoa học được xuất bản là **48** bài

- Tổng số bài báo khoa học được xuất bản trên tạp chí khoa học quốc tế là **29**; Trong đó có **11** bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là **tác giả chính** gồm các bài ở số thứ tự **[1], [2], [5], [6], [12], [14], [16], [17], [18], [19], [20]**.

- Tổng số bài báo khoa học được xuất bản trên tạp chí khoa học trong nước là **19**; Trong đó có **10** bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học trong nước uy tín mà UV là **tác giả chính** gồm các bài ở số thứ tự **[30], [31], [32], [33], [34], [35], [36], [37], [41], [44]**.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không có

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao): Không có

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

| T<br>T | Chương trình<br>đào tạo,<br>chương trình<br>nghiên cứu<br>ứng dụng<br>KHCN                                                            | Vai trò<br>UV (Chủ<br>trì/<br>Tham<br>gia) | Văn bản<br>giao nhiệm<br>vụ (số,<br>ngày,<br>tháng,<br>năm) | Cơ quan<br>thẩm định,<br>đưa vào sử<br>dụng | Văn bản đưa<br>vào áp dụng<br>thực tế | Ghi chú                                                                                |
|--------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
| 1      | Điều chỉnh<br>chương trình<br>đào tạo trình<br>độ đại học<br>ngành Công<br>nghệ Sinh học<br>(chương trình<br>đại trà và tiên<br>tiến) | Thư ký                                     | Quyết định<br>số 1101/QĐ-<br>ĐHCT ngày<br>03/04/2024        | Trường Đại<br>học Cần Thơ                   |                                       | Chương trình<br>đào tạo được<br>áp dụng cho<br>khóa 50, bắt<br>đầu từ năm<br>2024-2025 |

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*: Không có.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Cần Thơ , ngày 25 tháng 6 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Phạm Anh Thi